

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐỨC TRỌNG  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 71/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2022

V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC TRỌNG – TỈNH LÂM ĐỒNG**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hằng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Cao Đình Nhân

2. Bà Đinh Thị Phúc

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lương Thị Phương – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Đ – tỉnh Lâm Đồng.

Ngày 29 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 256/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/7/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/8/2022 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị Xuân T**, sinh năm: 1989;

Địa chỉ: Số X, đường H, phường S, thị xã P, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

*Bị đơn:* Ông **Lê Thanh V**, sinh năm: 1985;

Địa chỉ: Số Y, đường T, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 19 tháng 5 năm 2022, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Xuân T trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Lê Thanh V kết hôn vào ngày 14/12/2007 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 415 tại UBND thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tại

thị trấn Liên Nghĩa, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2015 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do hai bên có quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống và quan điểm sống. Hai bên không tìm được tiếng nói chung trong gia đình, khoảng cách ngày càng nhiều, thường xuyên cãi vã, bất hòa. Mặc dù vợ chồng đã nhiều lần nói chuyện để giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn lại tình cảm vợ chồng nhưng đều không được. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng không thể hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Thanh V.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thảo V, sinh ngày 03/10/2006 và Lê Tấn H, sinh ngày 28/10/2008. Hiện hai con đang ở với ông V. Khi ly hôn bà đồng ý giao hai con chung cho ông Lê Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung.

Về nợ chung: Vợ chồng không có nợ chung.

*Tại bản tự khai ngày 19/7/2022 và tại phiên tòa bị đơn là ông Lê Thanh V trình bày:*

*Về quan hệ hôn nhân:* Vợ chồng ông kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Sau khi cưới vợ chồng sống tại số Y, đường T, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Sau khi cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà T bỏ đi theo người khác, hiện vợ chồng đã sống ly thân. Nay bà T yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nữa nên ông đồng ý ly hôn với bà T.

*Về con chung:* Vợ chồng có 02 con chung tên Lê Thảo Vi, sinh ngày 03/10/2006 và Lê Tấn H, sinh ngày 28/10/2008. Hiện hai con đang ở với ông. Khi ly hôn ông yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung, ông không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con chung.

*Về tài sản chung:* Vợ chồng không có tài sản chung.

*Về nợ chung:* Vợ chồng không có nợ chung.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn có mặt và giữ nguyên ý kiến như đã trình bày.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:*

Bà Nguyễn Thị Xuân T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Thanh V. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xác định quan hệ tranh chấp là “Ly hôn”. Bị đơn ông Lê Thanh V cư trú tại số Y, đường T, thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

[2] *Về tố tụng*: Tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Xuân T vắng mặt, có đơn xin vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bà T.

[3] *Về quan hệ hôn nhân*:

Bà Nguyễn Thị Xuân T và ông Lê Thanh V đăng ký kết hôn vào năm 2007 tại Ủy ban nhân dân thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng, theo trích lục kết hôn số 485/TLKH-BS ngày 19/5/2022, hôn nhân do hai bên tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông V là hợp pháp. Bà T trình bày trong quá trình chung sống do hai bên có quá nhiều sự khác biệt, bất đồng về tính cách, lối sống và quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung nên bà T yêu cầu ly hôn với ông V. Tại phiên tòa, ông V xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên ông đồng ý ly hôn với bà T. Nhận thấy, mâu thuẫn giữa bà T và ông V đã trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, các bên đều yêu cầu được ly hôn, tuy nhiên do nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nên không thể công nhận thuận tình ly hôn giữa các đương sự mà căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của bà Nguyễn Thị Xuân T.

[4] *Về con chung*: Bà T và ông V có 02 con chung tên là Lê Thảo V, sinh ngày 03/10/2006 và Lê Tấn H, sinh ngày 28/10/2008. Khi ly hôn ông V yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung, bà T đồng ý giao hai con cho ông V nuôi dưỡng. Xét về nguyện vọng của các con thì con Lê Thảo V và Lê Tấn H đều có nguyện vọng ở với bố sau khi bố mẹ ly hôn, các con hiện đang ở với ông V cuộc sống ổn định và phát triển bình thường. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình cần giao con Lê Thảo V và Lê Tấn H cho ông Lê Thanh V trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thỏa thuận của hai bên và phù hợp với nguyện vọng của con chung.

[5] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Ông V không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] *Về tài sản chung*: Bà T, ông V xác định không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về nợ chung*: Ông V, bà T xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

#### **Tuyên xử:**

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Xuân T về việc “Ly hôn” đối với ông Lê Thanh V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với ông Lê Thanh V.

2. Về con chung: Giao con chung tên Lê Thảo V, sinh ngày 03/10/2006 và Lê Tấn H, sinh ngày 28/10/2008 cho ông Lê Thanh V trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến ngày con thành niên. Ông Lê Thanh V không yêu cầu bà Nguyễn Thị Xuân T cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc bà Nguyễn Thị Xuân T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu số 0007565 ngày 26/5/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ. Bà T đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án đương sự có mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành*

*án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- UBND thị trấn N, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (số 415 ngày 14/12/2007);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

*Đã ký*

**Trần Thị Hằng**